TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2020/HNGĐ - ST
Ngày 30/9/2020
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Anh Chi.

Ông Đào Xuân Bổn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà **-** *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - *Kiểm sát viên*.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị V**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Thôn PM, xã PL, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội;

Địa chỉ: Thôn PH, xã TD, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

2. Bị đơn: **Anh Trần Đăng L**, sinh năm 1986;

Nơi ĐKHKTT: Thôn PM, xã PL, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội;

Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 03, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Có mặt chị V, vắng mặt anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2020 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đăng L kết hôn trên cơ sở, tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND. xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày 20/10/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống chung với bố mẹ anh L tại thôn PM, xã PL, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L thường xuyên đi chơi thâu đêm không về nhà, không có trách nhiệm với vợ con, không chịu làm ăn lo kinh tế gia đình, mỗi khi chị góp ý thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh L vẫn thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, hiện anh L đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 3, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Tuấn V, sinh ngày 22/4/2012, hiện con đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân đường sắt, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất sản xuất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 15/9/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Trần Đăng L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị Nguyễn thị V về việc anh chị tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương

và thời gian, nơi đăng ký kết hôn cũng như nơi anh chị chung sống sau khi kết hôn. Nhưng theo anh, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh ham chơi, không quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ con. chị V và gia đình có khuyên bảo nhưng anh vẫn không thay đổi nên chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 đến nay. Sau khi chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh chán nản nên đã nghiện ma túy, hiện anh đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 03, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội với thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 28/8/2019. Nay chị V xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn chị V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Tuấn V, sinh ngày 22/4/2012, hiện cháu Vũ đang sống với chị V. Ly hôn, anh đồng ý để chị V nuôi con, anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang đi cai nghiện ma túy nên không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất sản xuất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn thị V, cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Trần Đăng L.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Tuấn V, sinh ngày 22/4/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh L đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án thay thế.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung, đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

Về thẩm quyền: Anh Trần Đăng L đăng ký HKTT và cư trú tại thôn PM, xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh L nhưng ngày 15/9/2020, anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh L.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Trần Đăng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND. xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2011 ngày 20/10/2011. Hôn nhân giữa chị V, anh L là hợp pháp.

Lời khai của chị V, anh L có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống một thời gian, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L ham chơi, không chịu làm ăn, không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ con. Mặt khác anh L không chịu tu dưỡng bản thân nên đã dính vào tệ nạn xã hội, hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 03. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, để xây dựng quan hệ hôn nhân hạnh phúc, bền vững thì vợ chồng phải có tình yêu thương, tôn trọng nhau và có trách nhiệm với nhau. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị V, anh L đều xác nhận mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc và anh chị đều thuận tình ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Tuấn V, sinh ngày 22/4/2012.

Xét thấy chị V có thu nhập và nơi cư trú ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con. Cháu Vũ còn nhỏ và có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Đồng thời, anh L đồng ý để chị V nuôi con và anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì anh đang cai nghiện ma túy, không có thu nhập. Do đó nên giao cháu Vũ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức, đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V, anh L không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn thị V. Cho chị Nguyễn thị V được ly hôn anh Trần Đăng L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Tuấn V, sinh ngày 22/4/2012 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L đến khi con 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

anh L được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị V, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, biên lai thu số: 0019019 ngày 11/9/2020.

5. Về quyền kháng cáo: chị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã PL, Sóc Sơn, Hà Nội;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng